

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG



MỤC LỤC

I.	THÔNG TIN CHUNG	1
1.	Thông tin khái quát	1
2.	Quá trình hình thành và phát triển	1
2.1.	Quá trình hình thành và phát triển	1
2.2.	Các thành tích đã đạt được:.....	2
4.	Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý	2
4.2	Các công ty con, công ty liên kết	3
5.	Định hướng phát triển:	3
5.1	Các mục tiêu chủ yếu:.....	3
5.2	Chiến lược phát triển trung và dài hạn:.....	3
5.3	Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty	4
6.	Các rủi ro:	4
6.1.	Rủi ro về kinh doanh:	4
	Do đặc thù của Ngành nên trong kinh doanh, Công ty sẽ gặp các rủi ro sau:	4
6.3.	Rủi ro tín dụng	5
6.4.	Rủi ro thanh khoản.....	5
6.5.	Rủi ro về giá chứng khoán.....	5
II.	TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM.....	5
1.	Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:.....	5
2.2	Những thay đổi trong ban điều hành:	6
3.	Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án	7
3.1.	Các khoản đầu tư lớn.....	7
3.2.	Các công ty con, công ty liên kết	7
4.	Tình hình tài chính	8
4.1.	Tình hình tài chính	8
5.	Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu	8
5.1.	Cổ phần	8
5.2.	Cơ cấu cổ đông	8
5.3.	Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:.....	9
	Trong năm Công ty không phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ.	9
5.4.	Giao dịch cổ phiếu quỹ:	9
	Trong năm Công ty không có giao dịch cổ phiếu quỹ.	9
5.5.	Các chứng khoán khác:	9
	Công ty không có chứng khoán khác. Công ty không có các cam kết chưa thực hiện liên quan đến việc phát hành chứng khoán đến thời điểm hiện tại.	9
III.	BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	9
1.	Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019:	9
2.	Tình hình tài chính	9
3.	Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý: không thay đổi.	9
4.	Kế hoạch SXKD năm 2020:	9

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	10
1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty.....	10
2.Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty	10
3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:	10
V.QUẢN TRỊ CÔNG TY	10
1. Hội đồng quản trị.....	10
1.1. Thành viên và cơ cấu Hội đồng quản trị	10
1.2. Hoạt động của Hội Đồng Quản Trị	10
1.3. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành.....	11
1.4. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị.....	11
1.5. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm	11
2. Ban kiểm soát	11
2.1. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát.....	11
2.2. Hoạt động của Ban Kiểm soát.....	11
3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát	12
3.1. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích.....	12
3.2. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ	12
3.3. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ	12
3.4. Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty	12
VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH	12

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

- Tên Công ty: Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Vĩnh Long.
- Tên tiếng Anh: Vinh Long Cereal and Food Import Export Corporation.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: số 1500170900 do Sở Kế hoạch Đầu tư Vĩnh Long cấp, đăng ký thay đổi lần thứ ngày .../.../2019.
- Vốn điều lệ: 119.599.820.000 VND (Một trăm mười chín tỷ năm trăm chín mươi chín triệu tám trăm hai mươi ngàn đồng Việt Nam).
- Vốn chủ sở hữu (31/12/2017): -70.742.467.449 đồng.
- Trụ sở chính : 38 đường 2 tháng 9, phường 1, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.
- Điện thoại: (070) 3822 512 – 3822 516 – 3822 712.- Fax: (070) 3823 773.
- Website: www.vinhlongfood.com.vn. Email: vinhlongfood@hcm.vnn.vn.
- Mã cổ phiếu: VLF.

2. Quá trình hình thành và phát triển

2.1. Quá trình hình thành và phát triển

2.1.1. Ngày thành lập:

Công ty Cổ phần Lương thực thực phẩm Vĩnh long được chuyển đổi từ DNNN sang Công ty cổ phần theo Quyết định số 2204/QĐ-BNN-ĐMDN ngày 01/08/2006 của Bộ Nông Nghiệp và Phát Triển Nông Thôn, chính thức đi vào hoạt động vào ngày 29/12/2006, tiền thân là Công ty Lương thực Thực phẩm Vĩnh Long.

2.1.2. Thời điểm niêm yết:

Ngày 21/12/2010, toàn bộ cổ phiếu của Công ty chính thức được giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP.Hồ Chí Minh với mã cổ phiếu VLF.

Ngày 13/5/2016 cổ phiếu của Công ty toàn bộ được chuyển sang giao dịch tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội (Upcom)

2.1.3 Thời gian các mốc sự kiện quan trọng:

Năm 2007: Công ty chuyển sang Công ty cổ phần với vốn điều lệ ban đầu là 52 tỷ đồng. Cũng trong năm này, Công ty xây dựng hoàn chỉnh vùng kho Xí nghiệp CBLT số 8 (nay là XN mỹ Thới) và Xí nghiệp Bao Bì, 2 Xí nghiệp này chính thức hoạt động từ tháng 4 và 5/2007. Chuyển đổi Xí nghiệp CBLT số 1 thành Xí nghiệp CB Nông sản và mở rộng thêm ngành hàng kinh doanh nông sản các loại từ tháng 8/2007.

Năm 2009: Ngày 22/9/2009, Công ty thực hiện việc phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ thưởng 1:1 để tăng vốn điều lệ từ 52 tỷ đồng lên 104 tỷ đồng theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và sự chấp thuận của UBCKNN.

Năm 2010: Ngày 25/10/2010, Công ty triển khai Dự án nhà máy chế biến lương thực xuất khẩu tại huyện Hòn Đất tỉnh Kiên Giang. Dự án được triển khai trên diện tích 78.000 m2 với sức chứa lên đến 57.000 tấn. Ngày 12/11/2010 Công ty đã quyết định thành lập Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên lương thực Kiên Nông với vốn điều lệ là 20 tỷ đồng từ Nhà máy chế biến này.

Năm 2011: Ngày 25/8/2011, Công ty được Bộ Công Thương cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh xuất khẩu gạo theo Nghị định số 109 của Chính phủ. Ngày 26/11/2011, Công ty khánh thành Xí nghiệp Tam Bình tại ấp Mỹ Phú 5, xã Tường Lộc, huyện Tam Bình tổng diện tích trên 8.400 m2, sức chứa là 12.000 tấn gạo các loại; 2 dây chuyền lau bóng gạo năng suất 16 tấn/giờ, khả năng chế biến gạo các loại trên 70.000 tấn/năm.

Năm 2012: Công ty thực hiện việc tăng vốn từ 104 tỷ đồng lên 119.599.820.000 đồng vào ngày 07/08/2012 bằng hình thức phát hành cổ phiếu để chia cổ tức cho cổ đông với tỷ lệ thực hiện quyền là 20:3.

Ngày 14 tháng 12 năm 2012 tại phiên họp Hội đồng Quản trị lần thứ 5, Hội đồng quản trị đã thống nhất cho Công ty mua Nhà Máy thức ăn thủy sản Domyfeed với tổng trị giá 100.000.000.000 đồng.

2.2. Các thành tích đã đạt được:

Qua 25 năm hình thành, với 20 năm kinh doanh đạt hiệu quả Công ty CP Lương thực thực phẩm Vĩnh Long đã được Chủ tịch nước, Các Bộ ngành, UBND Tỉnh ban tặng nhiều danh hiệu, bằng khen như Huân chương lao động hạng nhất, Bằng khen Doanh nghiệp phát triển đúng hướng và bền vững, tiêu biểu trong phong trào thi đua sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả cao, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ công tác, chấp hành tốt chính sách thuế, Doanh nhân tiêu biểu ĐBSCL, liên tục được Bộ Công thương công nhận Doanh nghiệp xuất khẩu uy tín.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

3.1 Ngành nghề kinh doanh và sản phẩm chính của Công ty:

Sản xuất chế biến và kinh doanh lương thực (xuất khẩu và cung ứng gạo các loại): Công ty có 2 xí nghiệp chế biến gạo xuất khẩu, 01 nhà máy xay xát lúa. Hệ thống kho tàng Công ty có sức chứa gần 50.000 tấn, năng lực sản xuất chế biến 100.000 tấn/năm. Sản phẩm xuất khẩu chính: gạo trắng, gạo lứt, gạo thơm, gạo nếp và gạo tám các loại. Thị trường xuất khẩu chủ yếu Châu Á và Châu phi. Ngoài ra, Công ty còn cung ứng xuất khẩu cho các đơn vị trong nước.

3.2 Địa bàn kinh doanh của Công ty:

1. Xí nghiệp Tam Bình

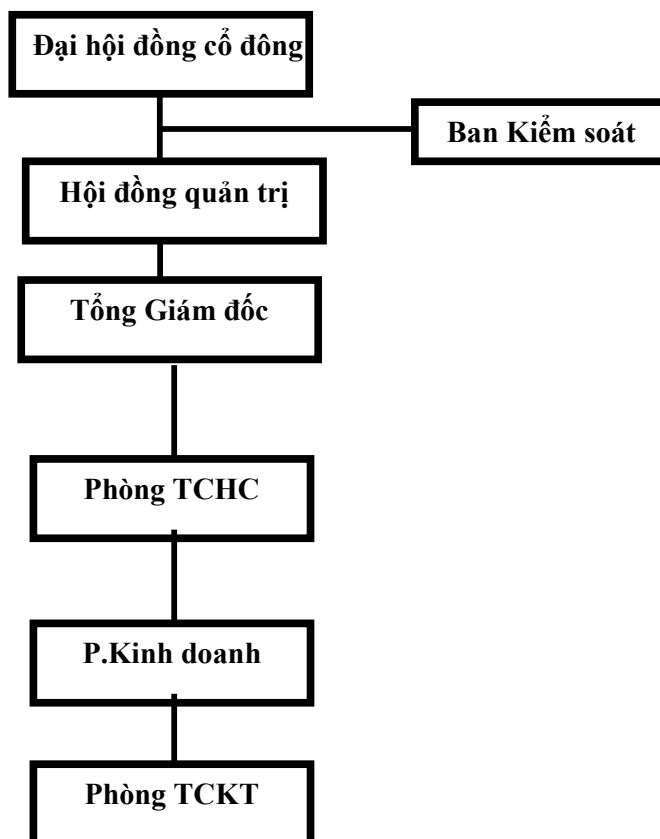
Số 18A, tổ 7, ấp Mỹ Phú, xã Tường Lộc, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long

2. Xí nghiệp Mỹ Thới

Tổ 7 khóm Thạnh An, Phường Mỹ Thới, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

4.1 Mô hình quản trị và cơ cấu bộ máy quản lý:



4.2 Các công ty con, công ty liên kết

4.2.1 Công ty nắm giữ 100% vốn góp: Không có

4.2.2 Công ty có trên 50% vốn góp:

Tên công ty	Địa chỉ	Ngành kinh doanh chính	Vốn điều lệ	Tỷ lệ sở hữu
Công ty TNHH Lương thực Kiên Nông	Tổ 5, ấp Sư Nam, thị trấn Hòn Đất, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang	Xây xát, sấy và lau bóng gạo xuất khẩu	80 tỷ	60%

4.2.3 Công ty góp vốn liên kết hoặc mua cổ phần:

Tên công ty	Địa chỉ	Ngành kinh doanh chính	Vốn điều lệ	Tỷ lệ sở hữu
Cty CP Du lịch Sài Gòn – Ninh chữ	Khánh Hải, Ninh Hải, Ninh thuận	Du lịch	87,4 tỷ	2,86%
Nhà máy bia Sài Gòn – Vĩnh long	Thành phố Vĩnh Long, Tỉnh Vĩnh Long	Sản xuất rượu bia, nước giải khát	150 tỷ	1,00%

5. Định hướng phát triển:

5.1 Các mục tiêu chủ yếu:

- Xác định gạo là mặt hàng kinh doanh chủ lực, tập trung nâng cao năng lực cạnh tranh về chất lượng và giá thành sản phẩm.
- Tăng cường công tác quản trị doanh nghiệp, tiếp tục đổi mới bộ máy và phương thức quản lý, điều hành cho phù hợp với điều kiện và năng lực thực tế.
- Củng cố và ổn định tình hình tài chính, nhân sự, ... đảm bảo đủ nguồn lực phục vụ cho hoạt động chính yếu của Công ty.

5.2 Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

- Chiến lược thị trường:

+ Thị trường trong nước: tập trung khai thác nhu cầu tiêu thụ nội địa để tăng sản lượng bán gạo.

+ Thị trường nước ngoài: tiếp tục củng cố, giữ vững và ổn định các thị trường nhập khẩu gạo chủ yếu của Công ty như: thị trường Châu á và Châu phi; áp dụng các biện pháp thường xuyên như gặp gỡ trực tiếp để trao đổi thông tin, ưu tiên chào hàng, có chính sách về giá phù hợp và cùng hợp tác giải quyết những vấn đề khó khăn để giữ vững mối quan hệ tốt đẹp với khách hàng truyền thống. Định hướng và tập trung khai thác thêm các thị trường tiềm năng bằng cách tổ chức đoàn trực tiếp đi khảo sát, nghiên cứu thị trường.

- Chiến lược sản phẩm và chất lượng sản phẩm:

+ Qui hoạch lại vùng kho có nguồn nguyên liệu dồi dào

+ Tập trung đầu tư thiết bị cho các Xí nghiệp để nâng cao chất lượng, phẩm cấp gạo do Công ty sản xuất, nhằm tăng giá trị và khả năng cạnh tranh trên thị trường.

+ Tăng cường kiểm soát chất lượng gạo từ khâu nguyên liệu đầu vào, bảo quản, dự trữ đến khâu sản xuất chế biến gạo để đạt chất lượng cao.

+ Kết hợp cùng với Sở NN- PTNT và các Sở ban ngành chức năng của các Tỉnh có Xí nghiệp của Công ty qui hoạch vùng lúa chuyên canh, thuần chủng chất lượng để từng bước thực hiện chiến lược thị trường, đáp ứng ngày càng cao nhu cầu khách hàng.

- Chiến lược về tài chính kế toán:

- + Quản lý nguồn vốn chặt chẽ cũng như tăng cường công tác giám sát tổ chức hệ thống kiểm soát nội bộ có hiệu quả nhằm ngăn ngừa mọi rủi ro trong công tác kế toán.
- + Khai thác hiệu quả nguồn ngoại tệ, dự báo tình hình biến động tỷ giá để có chính sách vay và trả nợ VND/USD phù hợp.
- + Xây dựng được hệ thống kế toán quản trị nhằm cung cấp cho Ban Lãnh đạo những thông tin kế toán kịp thời, phục vụ công tác điều hành sản xuất kinh doanh, sử dụng tốt nhất mọi nguồn lực của Công ty.

5.3 Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty

- Xây dựng các biện pháp phòng ngừa rủi ro về tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, phòng chống cháy nổ đảm bảo an toàn trong sản xuất, bảo quản, vận chuyển. Hàng năm các xí nghiệp đều được đánh giá tác động môi trường, đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường ảnh hưởng đến cộng đồng dân cư.
- Đầu tư nâng cấp đổi mới công nghệ nhằm tăng năng suất, chất lượng, giảm tiêu thụ điện, nước và vật tư phục vụ sản xuất, nâng cao năng lực xếp dỡ hàng hóa.

6. Các rủi ro:

6.1. Rủi ro về kinh doanh:

Do đặc thù của Ngành nên trong kinh doanh, Công ty sẽ gặp các rủi ro sau:

- Rủi ro về nguyên liệu đầu vào: nguồn cung mang tính thời vụ và chịu ảnh hưởng bởi yếu tố thời tiết, tác động đến chất lượng, sản lượng và giá cả nguyên liệu đầu vào
- Rủi ro về biến động giá gạo xuất khẩu: nguồn cung dồi dào từ Ấn Độ, Thái Lan ảnh hưởng trực tiếp giá gạo xuất khẩu Việt Nam nói chung và Công ty nói riêng. Sự cạnh tranh không lành mạnh giữa các doanh nghiệp nội địa cùng ngành trong xuất khẩu và thu mua lúa gạo như đầu cơ, ghim hàng chờ giá lên cao, hoặc đìm giá gạo xuống thấp.
- Rủi ro về thị trường tiêu thụ: các thị trường tiêu thụ truyền thống như Philippine, Indonesia, Malaysia giảm nhập khẩu do thực hiện chương trình tự túc lương thực.
- Rủi ro về nguồn vốn hoạt động: Khi lãi suất tăng cao hoặc ngân hàng thắt chặt tín dụng, Công ty sẽ khó khăn trong việc tạo vốn để duy trì và phát triển kinh doanh.
- Rủi ro từ kinh tế và các chính sách của Nhà nước: các yếu tố như tốc độ tăng trưởng kinh tế, lạm phát, mất cân đối cung cầu lương thực trong và ngoài nước... đều tác động đến doanh thu và lợi nhuận của Công ty. Công ty kinh doanh trong ngành lương thực nên bất kỳ những thay đổi nào từ chính sách Nhà nước đều tác động đến Công ty. Chính sách không ổn định hoặc thiếu độ dài cũng có tác động không nhỏ đến các doanh nghiệp xuất khẩu.

Để quản lý các rủi ro trên, Ban Tổng Giám đốc Công ty phải linh hoạt nhạy bén trong việc nắm bắt và phân tích kỹ thông tin thị trường để đưa ra những quyết sách theo từng thời điểm mua - bán – tồn kho thích hợp để tạo hiệu quả cao nhất.

6.2. Rủi ro ngoại tệ và lãi suất:

- Rủi ro ngoại tệ: là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Sự biến động về tỷ giá sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến doanh thu xuất khẩu của công ty. Công ty quản lý rủi ro này bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, lựa chọn thời điểm bán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá cao, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

- Rủi ro lãi suất: là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của Công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi có kỳ hạn và các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Sự biến động lãi suất sẽ ảnh hưởng đến chi phí lãi vay, tác động trực tiếp đến chi phí và lợi nhuận. Công ty quản lý rủi ro này bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

6.3. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng. Công ty quản lý rủi ro này bằng cách ban hành quy chế bán hàng, phân công Phòng TCKT thực hiện kiểm tra việc tuân thủ qui chế bán hàng này và theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

6.4. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau. Công ty quản lý rủi ro này bằng cách thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

6.5. Rủi ro về giá chứng khoán

Các chứng khoán do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của chứng khoán đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá chứng khoán bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

STT	Chỉ tiêu	Trị giá (đồng)
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	15.495.000
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	-
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	15.495.000
4	Giá vốn hàng bán	-
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	15.495.000
6	Doanh thu hoạt động tài chính	27.213.623.888
7	Chi phí tài chính	12.098.472.062
	Trong đó: chi phí lãi vay	12.176.717.512
8	Phân lãi hoặc lỗ trong Cty liên doanh, liên kết	
9	Chi phí bán hàng	-
10	Chi phí quản lý doanh nghiệp	(23.906.167.550)
11	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	39.036.814.376
12	Thu nhập khác	3.836.494.715
13	Chi phí khác	282.964.967
14	Lợi nhuận khác	3.553.529.748
15	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	42.590.344.124
16	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-

17	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-
18	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	42.590.344.124
19	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	
20	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	42.590.344.124
21	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.561

2. Tổ chức và nhân sự

2.1 Danh sách ban điều hành

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Nguyễn Thuận	Tổng Giám đốc	Ngày 16 tháng 8 năm 2019
Ông Phan Ngọc Bình	Kế toán trưởng	Ngày 29 tháng 12 năm 2006

Tóm tắt lý lịch của Ban Tổng Giám đốc

Ông NGUYỄN THUẬN : Tổng Giám đốc
 Năm sinh : 1971
 Trình độ chuyên môn :
 Sở hữu cá nhân (10/05/2016) : 0 cổ phiếu

Ông PHAN NGỌC BÌNH : Kế toán trưởng
 Năm sinh : 1975
 Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế TCKT
 Sở hữu cá nhân (10/05/2016) : 3.601 cổ phiếu

2.2 Những thay đổi trong ban điều hành:

Trong năm 2019, Công ty có thay đổi Tổng Giám đốc. Ông Nguyễn Thuận thay Ông Trần Thanh Hùng

2.3 Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động

2.3.1 Số lượng cán bộ, nhân viên:

- Tổng số lao động tại thời điểm 1/1/2019	24 người
Tăng trong kỳ	0 người
Giảm trong kỳ	0 người
- Tổng hiện có của Công ty là	24 người.

2.3.2 Trình độ chuyên môn:

Phân loại theo trình độ học vấn	Tổng số lao động	Tỷ lệ
Đại Học	20	83%
Cao đẳng	-	
Trung cấp	-	
Lao động phổ thông	4	17%
Tổng	24	

2.3.3 Chính sách đối với người lao động :

- **Chế độ lương:** Công ty trả lương cho người lao động theo hệ số công việc với từng vị trí/chức danh công việc. Năm 2019, mặc dù tình hình hoạt động Công ty gặp nhiều khó khăn nhưng Công ty vẫn đảm bảo chi trả tiền lương cho người lao động đầy đủ kịp thời, thu nhập bình quân trong năm ở mức 6 triệu đồng/người/tháng.

- **Bảo hiểm và phúc lợi :**

- + Tham gia đầy đủ chế độ bảo hiểm theo quy định cho tất cả người lao động.
- + Tổ chức khám sức khỏe định kỳ, trợ cấp ốm đau, hoàn cảnh khó khăn cho người lao động.
- + Khen thưởng thành tích học giỏi đối với con của người lao động.

2.3.4 Chính sách đào tạo nguồn nhân lực:

- Đào tạo nguồn nhân lực: Tập trung đào tạo chiều sâu về quản lý điều hành và chuyên môn nghiệp vụ cho người lao động.

- Công ty thực hiện tuyển dụng đúng người cho đúng vị trí, tránh dư thừa nguồn nhân lực, cũng như đảm bảo đáp ứng nhu cầu thực tế của công ty.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

3.1. Các khoản đầu tư lớn

Với năng lực hiện tại, đánh giá và dự báo nhu cầu thị trường về sản phẩm của Công ty sẽ không tăng, Công ty không chủ trương mở rộng hoạt động kinh doanh nên không phát sinh khoản đầu tư lớn.

3.2. Các công ty con, công ty liên kết

3.2.1 Công ty TNHH LT Kiên Nông

- Ngày thành lập : Tháng 11/2011
- Địa điểm : Thị trấn Hòn Đất, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang
- Vốn điều lệ : 80 tỷ đồng
- Tỷ lệ nắm giữ : 60%
- Tiến độ xây dựng : đã hoàn thành việc san lấp mặt bằng và hệ thống trạm điện.

- Tổng tài sản năm 2016 : 7.554.914.839 đồng
- Vốn chủ sở hữu 2016 : 7.554.914.839 đồng

4. Tình hình tài chính

4.1. Tình hình tài chính

Stt	Chỉ tiêu	2018	2019	%(+tăng/-giảm)
1	Tổng giá trị tài sản	57.306.46.827	55.213.019.420	
2	Doanh thu thuần	4.205.000	15.495.000	
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-20.790.758.945	39.036.814.376	
4	Lợi nhuận khác	11.035.882.386	3.553.529.748	
5	Lãi/lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		-	
6	Lợi nhuận trước thuế	-9.754.876.559	42.590.344.124	
7	Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	-13.510.785.717	42.590.344.124	
8	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	-	-	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

5.1. Cổ phần

- ✓ Tổng số cổ phần đã phát hành: 11.959.982 cổ phần
- ✓ Loại cổ phần đã phát hành: cổ phần phổ thông
- ✓ Cổ phần tự do chuyển nhượng: 11.959.982 cổ phần

5.2. Cơ cấu cổ đông

* Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 31/12/2019:

Stt	Cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu	Số lượng cổ đông
1	Cổ đông Nhà nước	4.784.000	40,00%	1
2	Cá nhân	3.982.000	33,29%	320
2.1	- Trong nước	3.932.818	32,89%	315
	+ Cổ đông lớn	611.800	5,12%	1
	+ Cổ đông nhỏ	3.321.018	27,77%	314
2.2	- Ngoài nước	49.182	0,41%	5
	+ Cổ đông nhỏ	49.182	0,41%	5
3	Tổ chức	3.193.982	26,71%	12
3.1	- Trong nước	3.186.470	26,64%	10
	+ Cổ đông lớn	2.792.864	23,35%	1
	+ Cổ đông nhỏ	393.606	3,29%	9
3.2	- Ngoài nước	56.694	0,06%	2
	+ Cổ đông lớn	-	0,00%	0
	+ Cổ đông nhỏ	7.512	0,06%	2
	Tổng cộng	11.959.982	100,00%	333

+ Cổ đông Nhà nước

CÔNG TY TNHH MTV TỔNG CÔNG TY LƯƠNG THỰC MIỀN NAM

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ: Số 42 Chu Mạnh Trinh. P.Bến Nghé. Quận 1. TP. HCM

Điện thoại: (84-8) 38 292 342

Fax: (84-8) 38 298 001

Email: vsfc@fmail.vnn.vn

Website: http://www.vinafood2.com

+ Danh sách cổ đông lớn

STT	Tên Cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần	Tỷ lệ
1	Tổng Công ty Lương thực Miền Nam	42 Chu Mạnh Trinh. TPHCM	4.784.000	40.00 %
2	CTCP Đầu tư và Phát triển Nguyễn Kim	1-5 Trần Hưng Đạo. Q 1. TP.HCM	2.792.864	23.35 %
3	Nguyễn Thị Tuyết Minh	153/4 Võ Văn Tần, P6, Q3 TPHCM	611.800	5,12%
Tổng cộng			8.188.664	68,47%

5.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Trong năm Công ty không phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ.

5.4. Giao dịch cổ phiếu quỹ:

Trong năm Công ty không có giao dịch cổ phiếu quỹ.

5.5. Các chứng khoán khác:

Công ty không có chứng khoán khác. Công ty không có các cam kết chưa thực hiện liên quan đến việc phát hành chứng khoán đến thời điểm hiện tại.

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019:

- Năm 2019, Công ty không còn vốn để hoạt động kinh doanh, nhưng do thu hồi được nợ, hoàn nhập dự phòng nên năm 2019 Công ty lãi trước thuế 42,590 tỷ đồng.

- Hoạt động chủ yếu trong năm 2019 là thực hiện nhiệm vụ thu hồi nợ và xử lý các tài sản đã thế chấp Ngân hàng theo qui định pháp luật.

2. Tình hình tài chính

Tính đến thời điểm 31/12/2019, tình hình tài chính của Công ty như sau:

- Tổng tài sản của Công ty còn 55,21 tỷ đồng; trong đó tài sản ngắn hạn là 15,16 tỷ đồng, tài sản dài hạn 40,05 tỷ đồng.

- Nguồn vốn chủ sở hữu âm 83,55 tỷ đồng (trong đó lỗ lũy kế sau thuế 240,43 tỷ đồng) và nợ phải trả ngắn hạn là 138,76 tỷ đồng (trong đó nợ gốc Ngân hàng 73,19 tỷ đồng, lãi vay 65,13 tỷ đồng).

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý: không thay đổi.

4. Kế hoạch SXKD năm 2020:

4.1 Nhận định tình hình :

Thực trạng Công ty: sẽ càng khó khăn hơn do nguồn vốn chủ sở hữu âm, nợ phải trả ngắn hạn cao hơn tài sản ngắn hạn, dư nợ còn nhiều, tài sản cố định khó bán, nguồn vốn hoạt động

không còn.

4.2 Nhiệm vụ :

Trên cơ sở tình hình thực tế, Công ty đề ra nhiệm vụ năm 2020 như sau :

- Kết hợp với Thi hành án tiếp tục thu hồi các khoản nợ đang trong giai đoạn thi hành án.
- Khai thác tìm kiếm khách hàng/nhà đầu tư có nhu cầu thuê Văn phòng/kho của Công ty để tạo nguồn thu bù đắp một phần chi phí.
- Thực hiện các Nghị Quyết/ chỉ đạo của Hội đồng quản trị theo từng thời điểm.

5. Giải trình của BGD với ý kiến kiểm toán (nếu có)

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Năm 2019 là năm Công ty tiếp tục gặp nhiều khó khăn về nguồn vốn hoạt động, doanh thu không đạt kế hoạch đề ra. Các nguyên nhân cụ thể đã được Ban Điều hành nêu tại Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc Công ty nêu trên.

Trong năm, Hội đồng Quản trị đã thực hiện trách nhiệm của mình đối với công tác lãnh chỉ đạo các hoạt động của Công ty.

2. Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty

Trong năm 2019, các Nghị quyết, quyết định của HĐQT được Ban Điều hành tổ chức triển khai đầy đủ, kịp thời. Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện các giải pháp để giảm bớt chi phí hoạt động và chủ động đề xuất HĐQT các giải pháp cần thiết về tài chính, phương thức bán tài sản, thu hồi công nợ,... để hoạt động của Công ty tiếp tục được duy trì. Ngoài ra, Ban Điều Hành cũng đã thực hiện tốt các công tác Đảng, Đoàn thể.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:

Trên cơ sở đánh giá các mặt hoạt động của Công ty và Ban Điều hành, cộng với nhận định tình hình thực tế của Công ty, HĐQT đề ra một số nhiệm vụ và giải pháp trọng tâm cần thực hiện trong năm 2020 như sau :

- Tiếp tục chỉ đạo Ban Điều hành tích cực thu hồi công nợ, thanh lý các tài sản không cần dùng, đẩy mạnh thu hồi khoản nợ lớn .
- Tăng cường sự đoàn kết và thống nhất trong nội bộ để phát huy nội lực, nâng cao khả năng cạnh tranh.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

1.1. Thành viên và cơ cấu Hội đồng quản trị

STT	Họ Tên	CP sở hữu	Phân loại thành viên	Ghi chú
1	Trần Chí Dũng	20	Đại diện cổ đông lớn	
2	Nguyễn Văn Hưng	20	Đại diện cổ đông lớn	
3	Đoàn Minh Thư	38	Đại diện cổ đông lớn	
4	Vũ Thị Mười		Đại diện cổ đông lớn	

1.2. Hoạt động của Hội Đồng Quản Trị

Năm 2019, Hội đồng quản trị đã tổ chức 4 cuộc họp, ban hành 9 Nghị quyết để thực hiện việc quản trị hoạt động của Công ty và giám sát hoạt động của Ban Tổng Giám đốc, bám sát các nhiệm vụ được ĐHCĐ giao. Cụ thể như sau:

- Chỉ đạo và đôn đốc giám sát Ban Điều Hành triển khai thực hiện chủ trương của HĐQT đề ra trong các cuộc họp và kế hoạch được ĐHĐCĐ phê duyệt.
- Hoàn thành việc lựa chọn Công ty TNHH Kiểm toán Sao Việt thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty.
- Chỉ đạo Ban Điều hành công tác bảo vệ tài sản, thu hồi công nợ và thực hiện thi hành án trả nợ.
- Tìm kiếm nhà đầu tư tham gia để tái cấu trúc Công ty nhằm phục hồi và phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh.

1.3. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành

Không có

1.4. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị

Không có

1.5. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm

Không có

2. Ban kiểm soát

2.1. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát

STT	Họ Tên	Chức vụ	CP sở hữu
1	Trần Hữu Hiệp	Trưởng ban	38
2	Nguyễn Như Khoa	Thành viên	40
2	Nguyễn Trọng Khang	Thành viên	0

2.2. Hoạt động của Ban Kiểm soát

-Thực hiện giám sát Hội đồng Quản trị và Ban điều hành trong việc quản lý và điều hành công ty.

-Kiểm tra và giám sát việc ban hành các nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành.

-Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

- Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính năm bởi Công ty TNHH Kiểm toán Sao Việt, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng Quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp thường niên Đại hội đồng cổ đông.

-Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ của công ty.

- Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của công ty theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

- Tham dự và tham gia thảo luận tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và các cuộc họp của Hội đồng Quản trị.

- Trong năm qua, Ban kiểm soát đã tổ chức các cuộc họp đánh giá hoạt động tài chính kế toán, kết quả hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của công ty trong 6 tháng đầu năm và cả năm 2019.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

3.1. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

Đơn vị tính: tr.đ

Họ tên	Chức vụ	Lương	Thưởng	Thù lao	Phụ cấp	Cộng
Ông Trần Chí Dũng	CT HĐQT	0	0	0	0	0
Ông Nguyễn Văn Hưng	TV HĐQT	0	0	0	0	0
Ông Đoàn Minh Thư	TV HĐQT	0	0	0	0	0
Bà Vũ Thị Mười	TV HĐQT					
Trần Hữu Hiệp	Trưởng BKS	0	0	0	0	0
Nguyễn Như Khoa	TV BKS	0	0	0	0	0
Nguyễn Trọng Khang	TV BKS	0	0	0	0	0

3.2. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ

Không có

3.3. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

3.4. Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

Công ty luôn tuân thủ đúng các quy định về quản trị Công ty đại chúng quy mô lớn. Công ty luôn cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin: Báo cáo tài chính năm, bán niên, quý; Báo cáo thường niên; Báo cáo quản trị Công ty và luôn cập nhật những thay đổi về hoạt động của Công ty, trên trang web của Công ty, báo cáo UBCKNN, HOSE và Trung tâm lưu ký chứng khoán.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	4 - 6
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	7 - 10
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	11
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	12 - 13
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	14 - 40

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Vĩnh Long (dưới đây gọi tắt là Công ty) hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Công ty và Công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (gọi chung là Tập đoàn).

1. Khái quát chung Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ là Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Vĩnh Long và 01 Công ty con là Công ty TNHH Lương thực Kiên Nông.

Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Vĩnh Long được thành lập theo Quyết định số 2204/QĐ-BNN-ĐMDN ngày 01 tháng 08 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn về việc phê duyệt phương án chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty Cổ phần. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1500170900 (số cũ là 5403000041) đăng ký lần đầu ngày 29 tháng 12 năm 2006 và đăng ký thay đổi lần thứ 21 ngày 30 tháng 08 năm 2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Long cấp.

Công ty niêm yết trên sàn giao dịch UpCom với mã chứng khoán VLF.

Vốn điều lệ: 119.599.820.000 đồng (Một trăm mười chín tỷ năm trăm chín mươi chín triệu tám trăm hai mươi ngàn đồng), tương đương 11.959.982 cổ phần.

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng.

2. Trụ sở chính

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 38 đường 2/9, Phường 1, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

3. Thông tin về Công ty con

Tên Công ty con	Địa chỉ	Tỷ lệ góp vốn	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu
Công ty TNHH Lương thực Kiên Nông	Tổ 5, ấp Sur Nam, Thị trấn Hòn Đất, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang	60%	60%	60%

Vốn điều lệ Công ty TNHH Lương thực Kiên Nông đăng ký là 80.000.000.000 đồng; trong đó, Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Vĩnh Long đăng ký góp là 48.000.000.000 đồng (chiếm 60% vốn điều lệ đăng ký), Công ty Cổ phần Nông nghiệp Tam Nông đăng ký góp 32.000.000.000 đồng (chiếm 40% vốn điều lệ đăng ký). Đến ngày 31/12/2019, Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Vĩnh Long đã góp 9.470.000.000 đồng (đạt 20% vốn đăng ký góp), Công ty Cổ phần Nông nghiệp Tam Nông chưa thực hiện góp vốn.

4. Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Các Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Trần Chí Dũng	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 16 tháng 8 năm 2019
Bà Vũ Thị Mười	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 31 tháng 5 năm 2017
Ông Đoàn Minh Thư	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 6 năm 2017
Ông Nguyễn Văn Hưng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 16 tháng 8 năm 2019

**CÔNG TY CỔ PHẦN
LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM
VĨNH LONG**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
HỢP NHẤT
ĐÃ KIỂM TOÁN**

**Năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2019**



CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm</i>
Ông Phạm Văn Ân	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2017 Miễn nhiệm ngày 16 tháng 8 năm 2019

Ban Kiểm soát

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm</i>
Ông Trần Hữu Hiệp	Trưởng ban	Tái bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2017
Ông Nguyễn Trọng Khang	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2017
Ông Nguyễn Như Khoa	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2017

Ban Tổng Giám đốc

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm</i>
Ông Nguyễn Thuận	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 19 tháng 8 năm 2019
Ông Trần Thanh Hùng	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 10 năm 2014 Miễn nhiệm ngày 19 tháng 8 năm 2019

5. Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Nguyễn Thuận – Tổng Giám đốc.

6. Hoạt động chính trong năm 2019: Không có hoạt động sản xuất kinh doanh đáng kể trong năm 2019.

7. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm từ trang 07 đến trang 40.

8. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày lập bảng cân đối kế toán cho đến ngày lập báo cáo này có thể làm sai lệch số liệu được phản ánh trên các báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

9. Đơn vị kiểm toán

Công ty TNHH Kiểm toán Sao Việt là đơn vị được chỉ định kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Tập đoàn.

10. Trách nhiệm Ban Tổng Giám đốc đối với báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- Lập và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không, và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này có được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không ;
- Lập các báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Tập đoàn, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Tập đoàn và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Tập đoàn đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

11. Ý kiến của Ban Tổng Giám đốc

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thành phố Vĩnh Long, ngày 09 tháng 04 năm 2020

Tổng Giám đốc



NGUYỄN THUẬN



Số: 27HN/BCKT-2020

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Lương Thực Thực phẩm Vĩnh Long (dưới đây gọi tắt là “Công ty”) và Công ty con – Công ty TNHH Lương Thực Kiên Nông (gọi chung là “Tập đoàn”) được lập ngày 20 tháng 02 năm 2020 từ trang 07 đến trang 40 bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Đến thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán này, chúng tôi vẫn chưa nhận được thư xác nhận số dư công nợ trình bày trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2019 của một số khoản mục như sau: Phải thu ngắn hạn khách hàng với số tiền là 61.990.049.068 đồng; Trả trước cho người bán ngắn hạn với số tiền là 5.710.215.490 đồng. Với những tài liệu được Công ty cung cấp, chúng tôi không thể xác nhận hoặc kiểm tra bằng các phương pháp thay thế khác để làm cơ sở cho ý kiến về số dư các khoản nợ này.

Căn cứ Thông báo số 01a ngày 20/03/2020 của Tòa án Nhân dân huyện Hòn Đất về việc thụ lý đơn khởi kiện của Ông Lê Minh Việt yêu cầu Công ty TNHH Lương thực Kiên Nông phải thanh toán tiền lương và thù lao trong quá trình làm việc với số tiền là 516.447.000 đồng; trong đó, tiền lương tính từ ngày 12/11/2011 đến ngày 31/12/2019 là 237.447.000 đồng và tiền thù lao kể từ ngày 15/03/2012 đến ngày 31/12/2019 là 279.000.000 đồng (mức thù lao 3.000.000 đồng/tháng Căn cứ vào Quyết định số 27/QĐ-KN của Chủ tịch Hội đồng Thành viên Công ty ký ngày 29/03/2012). Đến thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán hợp nhất này, vụ kiện chưa được hoàn tất nên Công ty chưa ghi nhận khoản tiền lương và thù lao phải trả theo đề nghị của Ông Lê Minh Việt.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như được trình bày tại mục IV.3 của Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất tại ngày 31/12/2019, Tập đoàn có khoản lỗ lũy kế là (240.436.049.121) đồng tương đương 201% vốn góp chủ sở hữu và số dư nợ phải trả là 138.767.848.461 đồng tương đương 251% giá trị tổng tài sản. Các khoản nợ quá hạn Tập đoàn chưa có khả năng thanh toán bao gồm: Nợ gốc vay ngân hàng với số tiền là 73.191.836.048 đồng và lãi vay phải trả là 64.580.820.209 đồng.

Những vấn đề nêu trên cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ về khả năng hoạt động liên tục của Tập đoàn. Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm được lập dựa trên cơ sở giả định hoạt động liên tục, và Ban Tổng Giám đốc đã xem xét một cách thận trọng về khả năng hoạt động liên tục của Tập đoàn tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Tại mục I.3 của Thuyết minh báo cáo tài chính, vốn điều lệ Công ty TNHH Lương thực Kiên Nông đăng ký là 80.000.000.000 đồng; trong đó, Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Vĩnh Long đăng ký góp là 48.000.000.000 đồng (chiếm 60% vốn điều lệ đăng ký), Công ty Cổ phần Nông nghiệp Tam Nông đăng ký góp 32.000.000.000 đồng (chiếm 40% vốn điều lệ đăng ký). Đến ngày 31/12/2019,

Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Vĩnh Long đã góp 9.470.000.000 đồng (đạt 20% vốn đăng ký góp), Công ty Cổ phần Nông nghiệp Tam Nông chưa thực hiện góp vốn.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.

Vấn đề khác

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 của Tập đoàn được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán khác. Kiểm toán viên của Công ty kiểm toán này đã ký báo cáo kiểm toán số 4.0145/19/TC-AC ngày 04 tháng 04 năm 2019 và đưa ra ý kiến kiểm toán dưới dạng ngoại trừ.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 04 năm 2020

Công ty TNHH Kiểm toán Sao Việt

Tổng Giám đốc



NGUYỄN MẠNH QUÂN
Giấy CN ĐKHN kiểm toán
Số: 0180-2018-107-1

Kiểm toán viên

PHẠM ĐÔNG SƠN
Giấy CN ĐKHN kiểm toán
Số: 1052-2018-107-1

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Mẫu số B 01 - DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		15.161.612.499	7.627.944.689
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	9.644.499.071	6.369.084.500
1. Tiền	111		682.789.081	307.046.817
2. Các khoản tương đương tiền	112		8.961.709.990	6.062.037.683
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	4.001.237.000	1.467.600
1. Chứng khoán kinh doanh	121		11.250.882	11.250.882
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		(10.013.882)	(9.783.282)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		4.000.000.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.228.852.127	1.047.761.544
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	61.990.049.068	95.060.952.579
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	5.710.215.490	5.704.215.490
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	1.382.391.573	1.025.800.990
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.6	(67.853.804.004)	(100.743.207.515)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		-	-
1. Hàng tồn kho	141		-	-
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		287.024.301	209.631.045
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		287.024.301	209.631.045
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Mẫu số B 01 - DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		40.051.406.921	49.678.520.138
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		35.219.092.827	39.732.005.647
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	20.334.208.068	23.805.764.873
- Nguyên giá	222		68.540.284.352	68.711.316.192
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(48.206.076.284)	(44.905.551.319)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.8	14.884.884.759	15.926.240.774
- Nguyên giá	228		16.269.768.746	17.171.730.746
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(1.384.883.987)	(1.245.489.972)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
1. Nguyên giá	231		-	-
2. Hao mòn lũy kế (*)	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		823.614.676	823.614.676
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.9	823.614.676	823.614.676
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.10	3.930.145.958	9.017.621.789
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	5.250.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		4.000.000.000	4.000.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(69.854.042)	(232.378.211)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		78.553.460	105.278.026
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		78.553.460	105.278.026
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		55.213.019.420	57.306.464.827

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không thể tách rời của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VINH LONG

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Mẫu số B 01 - DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
	1	2	3	4	5
C.	NỢ PHẢI TRẢ	300		138.767.848.461	183.451.637.992
I.	Nợ ngắn hạn	310		138.767.848.461	183.451.637.992
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	19.105.000	33.955.000
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	-
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12	427.200	6.367.680
4.	Phải trả người lao động	314		96.000.000	-
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.13	65.130.820.209	57.571.602.695
6.	Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7.	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8.	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9.	Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14	277.828.000	276.328.000
10.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.15	73.191.836.048	125.511.552.613
11.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.16	51.832.004	51.832.004
13.	Quỹ bình ôn giá	323		-	-
14.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II.	Nợ dài hạn	330		-	-
1.	Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2.	Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3.	Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4.	Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5.	Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6.	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7.	Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8.	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9.	Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10.	Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12.	Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13.	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VINH LONG

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Mẫu số B 01 - DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
D. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		(83.554.829.041)	(126.145.173.165)
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.17	(83.554.829.041)	(126.145.173.165)
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		119.599.820.000	119.599.820.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		119.599.820.000	119.599.820.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		37.281.400.080	37.281.400.080
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(240.436.049.121)	(283.026.393.245)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(283.026.393.245)	(269.515.607.528)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		42.590.344.124	(13.510.785.717)
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	V.18	-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		55.213.019.420	57.306.464.827

Thành phố Vinh Long, ngày 20 tháng 02 năm 2020

Người lập biểu



PHẠM THỊ CẨM NHUNG

Kế toán trưởng



PHAN NGỌC BÌNH

Tổng Giám đốc



NGUYỄN THUẬN

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VINH LONG

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Mẫu số B 02 - DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	1	2	3	4	5
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	15.495.000	4.205.000
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		15.495.000	4.205.000
4.	Giá vốn hàng bán	11		-	-
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		15.495.000	4.205.000
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.2	27.213.623.888	1.857.417.394
7.	Chi phí tài chính	22	VI.3	12.098.472.062	18.342.305.770
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		12.176.717.512	17.937.933.146
8.	Phân lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
9.	Chi phí bán hàng	25		-	-
10.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.4	(23.906.167.550)	4.310.075.569
11.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		39.036.814.376	(20.790.758.945)
12.	Thu nhập khác	31	VI.5	3.836.494.715	11.242.189.965
13.	Chi phí khác	32	VI.6	282.964.967	206.307.579
14.	Lợi nhuận khác	40		3.553.529.748	11.035.882.386
15.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		42.590.344.124	(9.754.876.559)
16.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.7	-	-
17.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	3.755.909.158
18.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		42.590.344.124	(13.510.785.717)
19.	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	61		42.590.344.124	(13.510.785.717)
20.	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		-	-
21.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	3.561	(1.130)
22.	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.8	3.561	(1.130)

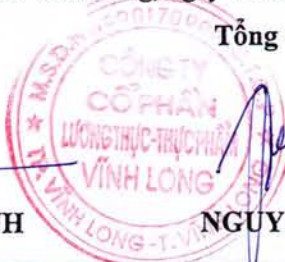
Thành phố Vinh Long, ngày 20 tháng 02 năm 2020

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc






PHẠM THỊ CẨM NHUNG

PHAN NGỌC BÌNH

NGUYỄN THUẬN

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Mẫu số B 03 - DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		42.590.344.124	(9.754.876.559)
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	02		3.590.262.770	4.671.738.180
- Các khoản dự phòng	03		(33.051.697.080)	(6.510.131.216)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(106.913.484)	(89.972.784)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(29.515.499.541)	(11.932.042.252)
- Chi phí lãi vay	06		12.176.717.512	17.937.933.146
3. Lợi nhuận từ HĐ kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(4.316.785.699)	(5.677.351.485)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		39.411.359.672	15.564.688.118
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		(4.533.290.478)	3.444.557.354
- Tăng giảm chi phí trả trước	12		26.724.566	46.307.894
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		30.588.008.061	13.378.201.881
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		3.327.000.000	310.454.545
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(4.000.000.000)	
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		5.250.000.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.343.649.591	722.770.776
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		5.920.649.591	1.033.225.321

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Mẫu số B 03 - DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	1	2	3	4	5
III.	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
4.	Tiền trả nợ gốc vay	34		(33.225.682.065)	(16.669.166.345)
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(7.500.000)	
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(33.233.182.065)	(16.669.166.345)
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		3.275.475.587	(2.257.739.143)
	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	V.1	6.369.084.500	8.627.262.899
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(61.016)	(439.256)
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	9.644.499.071	6.369.084.500

Thành phố Vĩnh Long, ngày 20 tháng 02 năm 2020

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





PHẠM THỊ CẨM NHUNG

PHAN NGỌC BÌNH

NGUYỄN THUẬN

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Mẫu số B09 – DN/HN
Ban hành theo Thông tư số
202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014
của Bộ Tài chính

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Khái quát chung về Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ là Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Vĩnh Long và 01 Công ty con là Công ty TNHH Lương thực Kiên Nông.

Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Vĩnh Long được thành lập theo Quyết định số 2204/QĐ-BNN-ĐMDN ngày 01 tháng 08 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn về việc phê duyệt phương án chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty Cổ phần. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1500170900 (số cũ là 5403000041) đăng ký lần đầu ngày 29 tháng 12 năm 2006 và đăng ký thay đổi lần thứ 21 ngày 30 tháng 08 năm 2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Long cấp.

Công ty niêm yết trên sàn giao dịch UpCom với mã chứng khoán VLF.

Vốn điều lệ: 119.599.820.000 đồng (Một trăm mười chín tỷ năm trăm chín mươi chín triệu tám trăm hai mươi ngàn đồng), tương đương 11.959.982 cổ phần.

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng.

2. Trụ sở chính

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 38 đường 2/9, Phường 1, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

3. Công ty con hợp nhất

Tổng số Công ty con: 01 Công ty

Số lượng Công ty con hợp nhất: 01 Công ty

Thông tin về Công ty con:

Tên Công ty con	Địa chỉ	Tỷ lệ góp vốn	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu
Công ty TNHH Lương thực Kiên Nông	Tổ 5, ấp Sư Nam, Thị trấn Hòn Đất huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang	60%	60%	60%

Vốn điều lệ Công ty TNHH Lương thực Kiên Nông đăng ký là 80.000.000.000 đồng; trong đó, Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Vĩnh Long đăng ký góp là 48.000.000.000 đồng (chiếm 60% vốn điều lệ đăng ký), Công ty Cổ phần Nông nghiệp Tam Nông đăng ký góp 32.000.000.000 đồng (chiếm 40% vốn điều lệ đăng ký). Đến ngày 31/12/2019, Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Vĩnh Long đã góp 9.470.000.000 đồng (đạt 20% vốn đăng ký góp), Công ty Cổ phần Nông nghiệp Tam Nông chưa thực hiện góp vốn.

4. Ngành nghề và lĩnh vực kinh doanh

- Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh;
- Nhận và chăm sóc cây giống nông nghiệp;
- Hoạt động dịch vụ trồng trọt;
- Sản xuất phân bón và hợp chất nitơ;
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ các loại;
- Thu gom rác thải không độc hại;

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Mẫu số B09 – DN/HN
Ban hành theo Thông tư số
202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014
của Bộ Tài chính

- Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại;
- Tái chế phế liệu phi kim loại;
- Xử lý ô nhiễm và hoạt động chất thải khác;
- Xây dựng nhà dân dụng;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Xây dựng công trình công ích;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
- Bảo dưỡng sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán buôn nông lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre nứa) và động vật sống;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác;
- Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan;
- Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề;
- Tư vấn giám sát công tác thi công xây dựng và hoàn thiện công trình hạ tầng kỹ thuật.

5. Chu kỳ hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn không quá 12 tháng.

6. Số lượng nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, số lượng nhân viên của Tập đoàn có 22 nhân viên.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

**CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Mẫu số B09 – DN/HN
Ban hành theo Thông tư số
202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014
của Bộ Tài chính

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở lập hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các Công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc năm tài chính.

Kết quả kinh doanh của công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Các báo cáo tài chính của công ty mẹ và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một năm tài chính, và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Tập đoàn, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi hoặc lỗ và trong tài sản thuần của các công ty con không được nắm giữ bởi công ty mẹ và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

3. Giả định hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính đã được lập dựa trên cơ sở giả định hoạt động liên tục. Tập đoàn có khoản lỗ lũy kế tính đến ngày 31/12/2019 là (240.436.049.121) đồng tương đương 201% vốn góp chủ sở hữu và số dư nợ phải trả là 138.767.848.461 đồng tương đương 251% giá trị tổng tài sản.

Giả định hoạt động liên tục phụ thuộc vào các cổ đông sẽ tiếp tục tài trợ cho hoạt động của Tập đoàn để Tập đoàn có khả năng chi trả các khoản nợ khi đến hạn. Vào thời điểm lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc cho rằng các chủ đầu tư sẽ không tiếp tục tài trợ cho hoạt động của Tập đoàn.

4. Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Mẫu số B09 – DN/HN
Ban hành theo Thông tư số
202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014
của Bộ Tài chính

trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền: Bao gồm tiền tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản tiền gửi không kỳ hạn.

Tương đương tiền: Là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

6. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng với các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Tập đoàn có quyền sở hữu, cụ thể:

- Đối với chứng khoán niêm yết được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0);
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận vào doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng tăng thêm, không ghi giá trị cổ phiếu nhận được.

Cổ phiếu hoán đổi được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày hoán đổi. Giá trị hợp lý của cổ phiếu được xác định như sau:

- Đối với cổ phiếu Công ty niêm yết, giá trị cổ phiếu là giá đóng cửa niêm yết trên thị trường chứng khoán tại ngày trao đổi. Trường hợp tại ngày trao đổi thị trường chứng khoán không giao dịch thì giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá trị đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày trao đổi;
- Đối với cổ phiếu chưa niêm yết được giao dịch trên sàn UPCOM, giá trị của cổ phiếu là giá giao dịch đóng cửa trên sàn UPCOM tại ngày trao đổi. Trường hợp tại ngày trao đổi sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá trị đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày trao đổi;
- Đối với giá cổ phiếu chưa niêm yết khác, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá do các bên thỏa thuận theo hợp đồng hoặc giá trị sổ sách tại thời điểm trao đổi.

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Mẫu số B09 – DN/HN
Ban hành theo Thông tư số
202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014
của Bộ Tài chính

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc được giao dịch trên sàn UPCOM là giá đóng cửa tại ngày kết thúc năm tài chính. Trường hợp tại ngày kết thúc năm tài chính thị trường chứng khoán hay sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa của phiên giao dịch trước liền kề với ngày kết thúc năm tài chính.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào các Công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư vào Công ty liên kết được thể hiện trên báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của Công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Tập đoàn trong khoản lỗ của Công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Tập đoàn có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho Công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của Công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của Công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì báo cáo tài chính của Công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các Công ty liên kết được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Tập đoàn khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tập đoàn không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên nhận đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng với chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ, trước khi khoản đầu tư được mua hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ, sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng tăng thêm, không ghi giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau :

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu;

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Mẫu số B09 – DN/HN
Ban hành theo Thông tư số
202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014
của Bộ Tài chính

– Đối với các khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng tổn thất được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ bên nhận đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Tập đoàn so với tổng vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

7. Nguyên tắc ghi nhận giá trị tài sản cố định hữu hình

Giá trị ban đầu của tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, sau khi ghi nhận ban đầu, trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, khấu hao lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong năm.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Phương pháp khấu hao tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao của một số nhóm tài sản cụ thể như sau:

Loại tài sản	Năm khấu hao
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 25 năm
Máy móc thiết bị	07 – 12 năm
Phương tiện vận tải	07 – 10 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	08 năm

8. Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản cố định vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản vô hình phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các khoản chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hoặc thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: Tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 30-50 năm, quyền sử dụng đất không xác định thời hạn thì không trích khấu hao.

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VINH LONG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Mẫu số B09 – DN/HN
Ban hành theo Thông tư số
202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014
của Bộ Tài chính

Chương trình phần mềm kế toán.

Chi phí liên quan đến chi phí phần mềm máy tính không phải là bộ phận gắn liền với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 08 năm.

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các khoản chi phí về đầu tư xây dựng cơ bản (chi phí mua sắm tài sản cố định, đầu tư xây dựng cơ bản) và chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định còn chưa hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính. Chi phí xây dựng cơ bản được ghi nhận theo giá gốc. Tài sản sau khi kết thúc quá trình đầu tư xây dựng cơ bản sẽ được trích khấu hao giống như các tài sản cố định khác, bắt đầu từ khi tài sản được đưa vào sử dụng.

10. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Nợ phải thu là các khoản phải thu khách hàng, trả trước cho người bán hoặc phải thu các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất, và được phân loại:

- Có thời hạn thu hồi không quá 01 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh kể từ thời điểm báo cáo được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi từ 01 năm trở lên hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh kể từ thời điểm báo cáo được phân loại là Tài sản dài hạn.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đúng hạn hoặc không có khả năng thanh toán tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, và được áp dụng theo hướng dẫn tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”.

11. Phương pháp phân bổ chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Các chi phí này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp, và được phân bổ theo đường thẳng trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

12. Ghi nhận các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Tập đoàn đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa, và được phân loại khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất, cụ thể:

- Có thời hạn thanh toán dưới 01 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn;
- Có thời hạn thanh toán trên 01 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Mẫu số B09 – DN/HN
Ban hành theo Thông tư số
202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014
của Bộ Tài chính

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng nếu Tập đoàn có bằng chứng đáng tin cậy về chi phí ước tính phải chịu trong tương lai thì được trích trước vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí, nhằm giảm sự gia tăng chi phí đột biến khi chi phí phát sinh thực tế. Chênh lệch (nếu có) giữa chi phí phát sinh thực tế với số đã trích, sẽ được ghi nhận vào Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất năm phát sinh chi phí thực tế.

13. Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán, người mua trả tiền trước, phải trả khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán không quá 01 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh kể từ thời điểm báo cáo được phân loại là Nợ ngắn hạn;
- Có thời hạn thanh toán từ 01 năm trở lên hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh kể từ thời điểm báo cáo được phân loại là Nợ dài hạn.

14. Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Tập đoàn cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

15. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Tập đoàn không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Tập đoàn đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Được ghi nhận khi kết quả giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán hợp nhất của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Mẫu số B09 – DN/HN
Ban hành theo Thông tư số
202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014
của Bộ Tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Cổ tức, lợi nhuận được ghi nhận khi Tập đoàn được quyền nhận cổ tức hoặc đã thực thu tiền.

16. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí vay này được vốn hóa. Tài sản dở dang là tài sản đang trong quá trình đầu tư xây dựng và tài sản đang trong quá trình sản xuất cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán.

17. Thuế thu nhập doanh nghiệp.

Thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm số thuế phải trả hiện tại và số thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất trong năm. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh do điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế hay các chi phí không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các luật thuế có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

18. Các bên liên quan

Các bên được coi là có liên quan Tập đoàn nếu một bên có khả năng trực tiếp hoặc gián tiếp kiểm soát bên kia hoặc ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động hoặc Tập đoàn và bên kia chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung.

Các bên có thể là các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Tập đoàn, các nhân viên quản lý chủ chốt, các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan và công ty liên kết.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mẫu số B09 – DN/HN
 Ban hành theo Thông tư số
 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014
 của Bộ Tài chính

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	58.521.000	62.500.000
Tiền mặt VND	58.521.000	62.500.000
Tiền gửi ngân hàng	624.268.081	244.546.817
Tiền gửi ngân hàng - VND	569.840.930	177.174.735
Tiền gửi ngân hàng – USD (*)	54.427.151	67.372.082
Các khoản tương đương tiền (**)	8.961.709.990	6.062.037.683
Cộng	9.644.499.071	6.369.084.500

(*) Tương đương 2.355,11 USD (tại ngày 31/12/2018 là 2.910,13 USD).

(**) Là khoản tiền gửi kỳ hạn dưới 3 tháng, lãi suất 4,9% - 5%/năm tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín – PGD Hòn Đất.

Tài khoản tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín – PGD Hòn Đất đã bị phong tỏa số tiền là 200.000.000 đồng theo Quyết định số 02/2020/QĐ-BPKCTT của Tòa án Nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang ngày 24/03/2020 để thực theo yêu cầu của Ông Lê Minh Việt trong vụ án tranh chấp về tiền lương mà ông Lê Minh Việt là nguyên đơn.

2. Đầu tư tài chính ngắn hạn

(2.1) Chứng khoán kinh doanh

Mã chứng khoán	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc của chứng khoán	Giá trị hợp lý	Dự phòng giảm giá	Giá gốc của chứng khoán	Giá trị hợp lý	Dự phòng giảm giá
Công ty CP Chứng khoán Bảo Việt	8.162.500	600.000	(7.562.500)	8.162.500	762.000	(7.400.500)
Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội	3.088.382	637.000	(2.451.382)	3.088.382	705.600	(2.382.782)
Cộng	11.250.882	1.237.000	(10.013.882)	11.250.882	1.467.600	(9.783.282)

Tình hình biến động dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số đầu năm	(9.783.282)	(9.111.282)
Trích lập bổ sung	(230.600)	(672.000)
Hoàn nhập dự phòng	-	-
Số cuối năm	(10.013.882)	(9.783.282)

(2.2) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: Là khoản tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 06 đến 12 tháng được hưởng lãi suất bình quân 6,22%/năm.

	<u>Số cuối năm</u>
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín – PGD Hòn Đất	4.000.000.000
Cộng	4.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mẫu số B09 – DN/HN
 Ban hành theo Thông tư số
 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014
 của Bộ Tài chính

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

3. Phải thu khách hàng ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên có liên quan</i>	46.692.641.251	79.689.341.251
Công ty Cổ phần Docimexco	46.692.641.251	79.689.341.251
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	15.297.407.817	15.371.611.328
Ông Dương Thế Hiền	2.906.392.100	2.906.392.100
Hợp tác xã Thủy sản Tân Phát	2.217.205.874	2.217.205.874
DNTN Vĩnh Phước	2.677.875.000	2.677.875.000
Công ty Cổ phần Lương Thực và Dịch vụ Quảng Nam	2.324.694.000	2.324.694.000
Công ty TNHH Chế biến Lương thực Thực phẩm Mai Anh	2.070.535.972	2.070.535.972
Các khách hàng khác	3.100.704.871	3.174.908.382
Cộng	<u>61.990.049.068</u>	<u>95.060.952.579</u>

Một số khoản phải thu ngắn hạn khách hàng tại ngày 31/12/2019 có giá trị 46.692.641.251 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN Vĩnh Long và một số khoản phải thu ngắn hạn khách hàng tại ngày 31/12/2019 có giá trị 12.857.176.595 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay Ngân hàng TMCP An Bình – CN Tiền Giang (xem thuyết minh tại V.15).

Phần lớn số dư các khoản phải thu khách hàng ngắn hạn tại ngày 31/12/2019 đã quá hạn thu hồi và được Tập đoàn khởi kiện và có quyết định xử lý của Tòa án.

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
DNTN Khánh Hưng	5.009.287.000 (*)	5.009.287.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Đấu giá Long Giang Mê Kông	605.000.000	605.000.000
Các khách hàng khác	95.928.490	89.928.490
Cộng	<u>5.710.215.490</u>	<u>5.704.215.490</u>

(*) Đây là khoản ứng trước theo Hợp đồng mua bán hàng hóa (gạo 5% tấm XK) số 30/HĐMB.2013 ngày 22/02/2013 giữa Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Vĩnh Long và Doanh nghiệp Tư nhân Khánh Hưng. Theo Quyết định 15/2013/QĐST-KDTM ngày 16/12/2013 của Tòa án Nhân dân huyện Tam Bình tỉnh Vĩnh Long về việc thỏa thuận của các đương sự: Ông Huỳnh Văn Minh - Chủ Doanh nghiệp tư nhân Khánh Hưng và ông Huỳnh Vũ Xương đồng ý liên đới trả cho Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Vĩnh Long. Quyết định số 09/QĐ-CCTHADS ngày 25/12/2015 về việc chưa có điều kiện thi hành án: Buộc ông Huỳnh Văn Minh - Chủ Doanh nghiệp tư nhân Khánh Hưng và ông Huỳnh Vũ Xương đồng ý liên đới trả cho Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Vĩnh Long số tiền là 5.009.287.000 đồng.

5. Phải thu ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mẫu số B09 – DN/HN
 Ban hành theo Thông tư số
 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014
 của Bộ Tài chính

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

**Các khoản phải thu tổ chức
 và cá nhân khác**

Tạm ứng	961.495.400	-	728.024.945	-
Cục thuế Vĩnh Long – thuế thu nhập doanh nghiệp bị truy thu (*)	-	-	-	-
Cục thuế Vĩnh Long – tiền phạt nộp chậm thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	-	-	-	-
Lãi dự thu tiền gửi kỳ hạn	100.679.127	-	25.218.999	-
Phải thu khác	320.217.046	(173.159.046)	272.557.046	(173.159.046)
Cộng	1.382.391.573	(173.159.046)	1.025.800.990	(173.159.046)

(*) Thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) bị truy thu và phạt chậm nộp thuế TNDN năm 2007 và 2008 đã được Cục thuế Vĩnh Long khấu trừ vào các khoản hoàn thuế GTGT của Công ty do xác định sai ưu đãi miễn giảm thuế TNDN theo các Quyết định của Cục thuế tỉnh Vĩnh Long và Tổng Cục thuế. Ngày 12/04/2019, Tòa án phúc thẩm ra phán quyết số 177/2019/HC-PT buộc Công ty phải nộp tiền thuế TNDN truy thu và tiền chậm nộp thuế nêu trên. Công ty đã kết chuyển khoản thuế TNDN và tiền phạt này vào chi phí. Khoản mục này số đầu kỳ đã điều chỉnh hồi tố theo thuyết minh tại VII.3.

6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số dư 01/01/2019	(100.743.207.515)	(107.143.078.243)
Trích lập dự phòng	(181.500.000)	-
Hoàn nhập dự phòng	33.070.903.511	6.399.870.728
Số dư 31/12/2019 (*)	(67.853.804.004)	(100.743.207.515)

(*) Chi tiết khoản dự phòng :

	<u>31/12/2019</u>		<u>01/01/2019</u>	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Từ 2 năm đến dưới 3 năm	-	-	605.000.000	181.500.000
Phải thu cá nhân và các tổ chức khác	-	-	605.000.000	181.500.000
Trên 3 năm	67.853.804.004	-	100.319.707.515	-
Các bên có liên quan	46.692.641.251	-	79.689.341.251	-
Công ty Cổ phần Docimexco	46.692.641.251	-	79.689.341.251	-
Phải thu cá nhân và các tổ chức khác	21.161.162.753	-	20.630.366.264	-
DNTN Khánh Hưng	5.009.287.000	-	5.009.287.000	-
Ông Dương Thế Hiền	2.906.392.100	-	2.906.392.100	-
DNTN Vĩnh Phước	2.677.875.000	-	2.677.875.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VINH LONG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mẫu số B09 – DN/HN
 Ban hành theo Thông tư số
 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014
 của Bộ Tài chính

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

	31/12/2019	-	01/01/2019	-
Cá nhân, tổ chức khác	10.567.608.653	-	10.036.812.164	-
Cộng	67.853.804.004	-	100.924.707.515	181.500.000

7. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Dụng cụ quản lý	Cộng
NGUYÊN GIÁ					
Số đầu năm	34.780.476.639	31.554.296.656	2.111.470.728	265.072.169	68.711.316.192
Tăng trong năm					
Giảm trong năm	171.031.840				171.031.840
Thanh lý	171.031.840				171.031.840
Số cuối năm	34.609.444.799	31.554.296.656	2.111.470.728	265.072.169	68.540.284.352
HAO MÒN LŨY KẾ					
Số đầu năm	17.346.542.164	25.633.936.604	1.660.000.382	265.072.169	44.905.551.319
Khấu hao tăng	1.664.680.512	1.601.946.083	160.190.160	-	3.426.816.755
Khấu hao giảm	126.291.790				126.291.790
Thanh lý	126.291.790				126.291.790
Số cuối năm	18.884.930.886	27.235.882.687	1.820.190.542	265.072.169	48.206.076.284
GIA TRỊ CÒN LẠI					
Số đầu năm	17.433.934.475	5.920.360.052	451.470.346		23.805.764.873
Số cuối năm	15.724.513.913	4.318.413.969	291.280.186		20.334.208.068

Tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng, gồm:

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá	555.999.352	13.869.094.924	1.276.491.637	265.072.169	15.966.658.082

Tài sản cố định hữu hình có nguyên giá được mang thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của các ngân hàng với số tiền là 41.615.821.218 đồng (xem thuyết minh tại V.15).

8. Tăng giảm tài sản cố định vô hình

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Tổng cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	17.079.168.746	92.562.000	17.171.730.746
Tăng trong năm		-	
Giảm trong năm	901.962.000	-	901.962.000
Thanh lý	901.962.000	-	901.962.000
Số cuối năm	16.177.206.746	92.562.000	16.269.768.746
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	1.152.927.972	92.562.000	1.245.489.972

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mẫu số B09 – DN/HN
 Ban hành theo Thông tư số
 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014
 của Bộ Tài chính

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Tổng cộng
Tăng trong năm	163.446.015	-	163.446.015
Giảm trong năm	24.052.000	-	24.052.000
Thanh lý	24.052.000	-	24.052.000
Số cuối năm	1.292.321.987	92.562.000	1.384.883.987
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	15.926.240.774	-	15.926.240.774
Số cuối năm	14.884.884.759	-	14.884.884.759

Tài sản cố định vô hình có nguyên giá được mang thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của các ngân hàng với số tiền là 7.880.485.600 đồng (Xem thuyết minh tại V.15).

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Xây dựng cơ bản dở dang	823.614.676			823.614.676
Công trình Nhà máy xay xát, hệ thống sấy và lau bóng gạo	823.614.676	-	-	823.614.676
Cộng	823.614.676	-	-	823.614.676

10. Đầu tư tài chính dài hạn

Chi tiết khoản các khoản đầu tư dài hạn như sau:

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào công ty liên kết	-	-		5.250.000.000	-	5.250.000.000
Công ty TNHH Thương mại Sài Gòn Vĩnh Long (10.1)	-	-		5.250.000.000	-	5.250.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	4.000.000.000	(69.854.042)	3.930.145.958	4.000.000.000	(232.378.211)	3.767.621.789
Công ty Cổ phần bia Sài Gòn – Vĩnh Long (10.2)	1.500.000.000	-	1.500.000.000	1.500.000.000	-	1.500.000.000
Công ty Cổ phần Du lịch Sài Gòn – Ninh Chữ (10.3)	2.500.000.000	(69.854.042)	2.430.145.958	2.500.000.000	(232.378.211)	2.267.621.789
Cộng	4.000.000.000	(69.854.042)	3.930.145.958	9.250.000.000	(232.378.211)	9.017.621.789

(10.1) Khoản đầu tư vào Công ty vào Công ty TNHH Thương mại Sài Gòn Vĩnh Long được Công ty chuyển nhượng theo Hợp đồng mua bán tài sản số 37/2019/HĐMBTSDG ngày 25/05/019 và Quyết định Số 18/QĐ-CCTHADS ngày 29/01/2019 của Chi Cục Thi hành Án Dân sự Thành phố Vĩnh Long với giá trị chuyển nhượng là 31.017.500.000 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mẫu số B09 – DN/HN
 Ban hành theo Thông tư số
 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014
 của Bộ Tài chính

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

(10.2) Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty nắm giữ 150.000 cổ phiếu, chiếm 01% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Vĩnh Long (Số đầu năm là 150.000 cổ phiếu, chiếm 01% vốn điều lệ).

(10.3) Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty nắm giữ 250.000 cổ phiếu, chiếm 2,86% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Du lịch Sài Gòn – Ninh Chữ (Số đầu năm là 250.000 cổ phiếu, chiếm 2,86 % vốn điều lệ).

11. Phải trả người bán ngắn hạn

(11.1). Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Dịch vụ Bảo Vệ Nguyên Long – Vĩnh Long	18.810.000	33.660.000
Các khách hàng khác	295.000	295.000
Cộng	19.105.000	33.955.000

(11.2). Nợ quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Phải nộp</u>	<u>Đã nộp</u>	<u>Số cuối năm</u>
Thuế TNCN	6.367.680	15.939.700	21.880.180	427.200
- Tại Công ty mẹ	6.367.680	12.439.700	18.380.180	427.200
- Tại Công ty con	-	3.500.000	3.500.000	-
Tiền thuê đất	-	279.106.491	279.106.491	-
- Tại Công ty mẹ	-	279.106.491	279.106.491	-
- Tại Công ty con	-	-	-	-
Thuế khác	-	7.000.568	7.000.568	-
- Tại Công ty mẹ	-	4.000.568	4.000.568	-
- Tại Công ty con	-	3.000.000	3.000.000	-
Cộng	6.367.680	302.046.759	307.987.239	427.200

13. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các tổ chức khác	65.130.820.209	57.571.602.695
Chi phí lãi vay phải trả (*)	64.580.820.209	57.021.602.695
Chi phí bồi thường vi phạm hợp đồng	550.000.000	550.000.000
Cộng	65.130.820.209	57.571.602.695

(*) Chi phí lãi vay phải trả được xác định bằng cách lấy số dư nợ vay gốc từ Hợp đồng vay tại thời điểm tính lãi nhân (x) lãi suất thỏa thuận nhân (x) 150% (lãi suất quá hạn).

14. Phải trả phải nộp ngắn hạn khác

(14.1). Phải trả phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả cho các tổ chức và cá nhân khác		
Phải trả cổ tức	268.828.000	276.328.000

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mẫu số B09 – DN/HN
 Ban hành theo Thông tư số
 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014
 của Bộ Tài chính

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

DNTN Quản lý Thanh lý Tài sản Lê Hoàng	9.000.000	-
Cộng	277.828.000	276.328.000
<i>(14.2). Nợ quá hạn chưa thanh toán</i>	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Nợ quá hạn chưa thanh toán cho các tổ chức và cá nhân khác</i>		
Phải trả cổ tức (*)	268.828.000	276.328.000
Cộng	268.828.000	276.328.000

(*) Do các tổ chức và cá nhân khác không yêu cầu thanh toán.

15. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

(15.1). Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Số đầu năm	Tiền vay nhận được trong kỳ	Tiền vay đã trả trong kỳ	Đánh giá lại chênh lệch tỷ giá	Số cuối năm
<i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn</i>					
<i>Bên liên quan</i>	<i>16.000.000.000</i>	<i>-</i>	<i>16.000.000.000</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Nguyễn Kim	16.000.000.000	-	16.000.000.000	-	-
<i>Các Ngân hàng và tổ chức khác</i>	<i>109.511.552.613</i>		<i>36.300.936.770</i>	<i>(18.779.795)</i>	<i>73.191.836.048</i>
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN Vĩnh Long (15.1.1)	66.983.435.240	-	35.984.260.000	(4.434.960)	30.994.740.280
Ngân hàng TMCP An Bình - CN Tiền Giang (15.1.2)	6.926.734.960	-	316.676.770	(14.344.835)	6.595.713.355
Ngân hàng TMCP Ngoại thương - CN Vĩnh Long (15.1.3)	35.601.382.413	-	-	-	35.601.382.413
Cộng	125.511.552.613	-	52.300.936.770	(18.779.795)	73.191.836.048

(15.1.1) Vay ngắn hạn ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Vĩnh Long theo Hợp đồng tín dụng số 1284/2015/1294711/HĐTD ký ngày 25/03/2015:

- Hạn mức cho vay: 200.000.000.000 đồng (bao gồm: Dư nợ vay gồm cả VND và ngoại tệ quy đổi);
- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh của Công ty và mở L/C;
- Thời gian cấp tín dụng: Theo từng khế ước nhưng không quá 6 tháng;
- Lãi vay: Theo từng khế ước nhận nợ;
- Tài sản đảm bảo:
 - + Hợp đồng thế chấp tài sản số 084/2013/HĐ ngày 19/07/2013 và Văn bản sửa đổi bổ sung Hợp đồng thế chấp tài sản số 084/2017/1294711/SĐBS ký ngày 19/05/2017;
 - + Hợp đồng thế chấp tài sản số 0112/2014/1294711/HĐBĐ ngày 16/12/2014 và Văn bản sửa đổi bổ sung Hợp đồng thế chấp tài sản số 0112/2017/1294711/SĐBS ngày 19/05/2017;

**CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Mẫu số B09 – DN/HN
Ban hành theo Thông tư số
202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014
của Bộ Tài chính

- + Hợp đồng thế chấp tài sản số 083/2014/1294711/HĐBĐ ngày 29/09/2014 và Văn bản sửa đổi bổ sung Hợp đồng thế chấp tài sản số 083/2017/1294711/SĐBS ngày 19/05/2017;
- + HĐ số 0252 thế chấp khoản thu Công ty Docimexco;

- Số dư vay tại ngày 31/12/2019 bao gồm 20.692.328.200 VND và 443.496 USD.

(15.1.2) Vay ngắn hạn ngân hàng TMCP An Bình - CN Tiền Giang theo Hợp đồng tín dụng số 071/14/TD/XXVI ký ngày 26/06/2014, bao gồm: Các Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số HDSĐBS.01-071/14/TD/XXVI, số HDSĐBS.02-071/14/TD/XXVI, số HDSĐBS.03-071/14/TD/XXVI ký ngày 12/12/2014, số HDSĐBS.05-071/14/TD/XXVI ký ngày 26/12/2016;

- Hạn mức cho vay: 45.000.000.000 đồng (bao gồm: Dư nợ vay gồm cả VND và ngoại tệ quy đổi);

- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động/tài trợ xuất khẩu/thanh toán L/C phục vụ cho hoạt động kinh doanh xuất khẩu gạo;

- Thời gian cấp tín dụng: Theo từng kế ước nhưng không quá 6 tháng;

- Lãi vay: Theo từng kế ước nhận nợ;

- Tài sản đảm bảo: Hợp đồng thế chấp quyền đòi nợ số 172A/QĐN/XXVI ngày 12/12/2014 và Phụ lục Hợp đồng thế chấp quyền đòi nợ số PL.01-172A/14/QĐN/XXVI ký ngày 26/12/2016;

- Số dư vay tại ngày 31/12/2019 là 284.175,50 USD.

(15.1.3) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Ngoại thương - CN Vĩnh Long theo các Hợp đồng tín dụng từng lần như sau: Hợp đồng số 33/HĐTD - VLO.KH ngày 25/09/2014 và Phụ lục số 01 ngày 18/03/2015; Hợp đồng số 46/HĐTD-VLO.KH ngày 31/12/2014, Hợp đồng số 03/HĐTD-VLO.KH ngày 17/03/2015; Hợp đồng số 04/HĐTD-VLO.KH ngày 19/03/2015 và Hợp đồng số : 09/HĐTD-VLO.KH ngày 13/04/2015;

- Số tiền cho vay theo từng hợp đồng vay;

- Mục đích cho vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh;

- Lãi vay: Theo từng hợp đồng cho vay;

- Thời gian cấp tín dụng: Theo từng hợp đồng vay nhưng không quá 6 tháng;

- Tài sản đảm bảo:

+ Hợp đồng thế chấp tài sản số 200/HĐTC-VLO.KH;

+ Hợp đồng số 201/HĐTC-VLO.KH ngày 08/12/2014;

- Số dư tại ngày 31/12/2019 là 35.601.382.413 VND.

(15.2). Vay quá hạn chưa thanh toán

Các khoản vay	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Lãi	Cộng	Giá gốc	Lãi	Cộng
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Nguyễn Kim Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN Vĩnh Long	30.994.740.280	40.608.813.264	71.603.553.544	16.000.000.000	4.617.499.998	20.617.499.998
				66.983.435.240	32.926.825.319	99.910.260.559

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mẫu số B09 – DN/HN
 Ban hành theo Thông tư số
 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014
 của Bộ Tài chính

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Lãi	Cộng	Giá gốc	Lãi	Cộng
Các khoản vay						
Ngân hàng						
TMCP An Bình	6.595.713.355	1.430.372.077	8.026.085.432	6.926.734.960	1.019.558.399	7.946.293.359
- CN Tiền						
Giang						
Ngân hàng						
TMCP Ngoại	35.601.382.413	22.541.634.868	58.143.017.281	35.601.382.413	18.457.718.979	54.059.101.392
thương - CN						
Vĩnh Long						
Cộng	73.191.836.048	64.580.820.209	137.772.656.257	125.511.552.613	57.021.602.695	182.533.155.308

Các khoản vay này chưa trả do Công ty đang gặp khó khăn về tài chính nên chưa có luồng tiền để thanh toán.

16. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Phải nộp	Đã nộp	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng	2.990.000	-	-	2.990.000
Quỹ thưởng Ban quản lý điều hành Công ty	48.842.004	-	-	48.842.004
Cộng	51.832.004	-	-	51.832.004

17. Vốn chủ sở hữu

(17.1) Biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Số đầu năm trước	119.599.820.000	37.281.400.080	(269.515.607.528)	(112.634.387.448)
Tăng trong năm				
Giảm trong năm			(13.510.785.717)	(13.510.785.717)
Số cuối năm trước	119.599.820.000	37.281.400.080	(283.026.393.245)	(126.145.173.165)
Số đầu năm nay	119.599.820.000	37.281.400.080	(283.026.393.245)	(126.145.173.165)
Tăng trong năm			42.590.344.124	42.590.344.124
Giảm trong năm				
Số cuối năm nay	119.599.820.000	37.281.400.080	(240.436.049.121)	(83.554.829.041)

(17.2) Chi tiết vốn góp chủ sở hữu

Cổ đông	Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp		Vốn thực góp vào ngày 31/12/2019	
	Số tiền	Tỷ lệ, %	Số tiền	Tỷ lệ, %
Công ty TNHH MTV – Tổng Công ty Lương thực Miền Nam	47.840.000.000	40,00	47.840.000.000	40,00
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Nguyễn Kim	27.928.640.000	23,35	27.928.640.000	23,35
Bà Nguyễn Thị Tuyết Minh	6.118.000.000	5,12	6.118.000.000	5,12
Ông Phan Ngọc Bình	36.010.000	0,03	36.010.000	0,03

**CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VINH LONG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Mẫu số B09 – DN/HN
Ban hành theo Thông tư số
202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014
của Bộ Tài chính

Cổ đông	Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp		Vốn thực góp vào ngày 31/12/2019	
	Số tiền	Tỷ lệ, %	Số tiền	Tỷ lệ, %
Các cổ đông khác	37.677.170.000	31,50	37.677.170.000	31,50
Cộng	119.599.820.000	100,00	119.599.820.000	100,00

(17.3) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Vốn góp của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm 01/01	119.599.820.000	119.599.820.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm 31/12	119.599.820.000	119.599.820.000
Phân phối lợi nhuận	-	-

(17.4) Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	11.959.982	11.959.982
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
Cổ phiếu phổ thông	11.959.982	11.959.982
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	11.959.982	11.959.982

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành là 10.000 đồng/cổ phiếu.

18. Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát thể hiện phần quyền lợi của các cổ đông không kiểm soát trong giá trị tài sản thuần của Công ty con. Tình hình biến động lợi ích cổ đông không kiểm soát như sau:

Như đã nêu tại I.3 của bản Thuyết minh này Công ty Cổ phần Nông nghiệp Tam Nông chưa thực hiện góp vốn điều lệ. Do đó, phần quyền lợi của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Tam Nông trong giá trị tài sản thuần của Công ty TNHH Lương thực Kiên Nông (công ty con) bằng không (0).

19. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(19.1). Tài sản thuê ngoài

Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các Hợp đồng thuê tài sản hoạt động không thể hủy ngang theo các thời gian như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 01 năm trở xuống	268.347.600	275.478.675
Trên 01 năm đến dưới 05 năm	1.073.390.400	1.101.914.700
Trên 05 năm	6.822.652.650	7.266.800.331
Cộng	8.164.390.650	8.644.193.706

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Mẫu số B09 – DN/HN
 Ban hành theo Thông tư số
 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014
 của Bộ Tài chính

Các khoản thanh toán tiền thuê tài sản hoạt động ở trên là tổng số tiền thuê 3.945 m² đất đang sử dụng tại tỉnh Vĩnh Long với mức tiền thuê theo thông báo nộp tiền thuê đất hàng năm của cơ quan thuế.

(19.2). Ngoại tệ các loại

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ngoại tệ các loại		
- USD	2.355,11	2.910,13

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu cung cấp dịch vụ	15.495.000	4.205.000
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần	15.495.000	4.205.000
Cộng	15.495.000	4.205.000

2. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi ngân hàng	743.587.191	354.255.610
Cổ tức, lợi nhuận được chia	600.062.400	675.044.400
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	363	-
Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại	102.473.934	89.972.784
Thu tiền thi hành án	-	738.144.600
Chuyển nhượng phần góp vốn (*)	25.767.500.000	-
Cộng	27.213.623.888	1.857.417.394

(*) Công ty đã bán toàn bộ vốn góp ở Công ty TNHH Thương mại Sài Gòn Vĩnh Long theo Quyết định số 18/QĐ-CCTHADS ngày 29/01/2019.

3. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	12.176.717.512	17.937.933.146
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	84.048.119	514.633.112
Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính	(162.293.569)	(110.260.488)
Chi phí tài chính khác	-	-
Cộng	12.098.472.062	18.342.305.770

4. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên quản lý	3.696.463.457	3.887.223.969
Chi phí vật liệu quản lý	92.286.561	39.166.666
Chi phí đồ dùng văn phòng	10.374.818	13.717.999

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mẫu số B09 – DN/HN
 Ban hành theo Thông tư số
 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014
 của Bộ Tài chính

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

	Năm nay	Năm trước
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.391.182.949	4.472.658.359
Thuế, phí và lệ phí	296.707.763	349.635.850
Chi phí dự phòng	(32.889.403.511)	(6.399.870.728)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	400.576.680	1.386.736.259
Chi phí bằng tiền khác	1.095.643.733	560.807.195
Cộng	(23.906.167.550)	4.310.075.569
5. Thu nhập khác		
	Năm nay	Năm trước
Thu thanh lý tài sản cố định	2.404.349.950	4.062.101.814
Hoàn nhập từ lãi hoàn trả của HD Bank	-	7.180.087.844
Hoàn nhập từ lãi hoàn trả của Nguyễn Kim	1.419.943.998	-
Thu nhập khác	12.200.767	307
Cộng	3.836.494.715	11.242.189.965
6. Chi phí khác		
	Năm nay	Năm trước
Tiền phạt, bị truy thu	341.365	86.530
Chi phí thẩm định giá	35.199.042	-
Xử lý nợ theo Quyết định của Tòa án	41.203.511	-
Chi phí phân bổ tiền mua đất không được cấp chứng nhận Quyền sử dụng đất	7.141.228	7.141.228
Chi phí khấu hao tài sản cố định	199.079.821	199.079.821
Cộng	282.964.967	206.307.579
7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	42.590.344.124	(9.754.876.559)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế		
- Các khoản điều chỉnh tăng	3.286.351.475	22.298.579.888
Chi phí không được trừ	3.286.351.475	22.298.579.888
- Các khoản điều chỉnh giảm	(600.062.400)	(675.044.400)
Thu nhập tính thuế	45.276.633.199	11.868.658.929
Lỗ các năm trước còn được chuyển	(45.276.633.199)	(11.868.658.929)
+ Thuế suất	20%	20%
+ Thuế TNDN phải nộp	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-
8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu và lãi suy giảm trên cổ phiếu		
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận sau thuế TNDN	42.590.344.124	(13.510.785.717)
Các khoản điều chỉnh lợi nhuận sau thuế	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mẫu số B09 – DN/HN
 Ban hành theo Thông tư số
 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014
 của Bộ Tài chính

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	11.959.982	11.959.982
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.561	(1.130)
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	3.561	(1.130)
9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	102.661.379	52.884.665
Chi phí nhân công	3.696.463.457	3.887.223.969
Chi phí khấu hao TSCĐ	3.590.262.770	4.472.658.359
Chi phí dịch vụ mua ngoài	400.576.680	1.733.372.109
Chi phí bằng tiền khác	1.095.643.733	560.807.195
Cộng	8.885.608.019	10.706.946.297

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Thông tin về các bên liên quan

1.1 Các bên liên quan

<u>Bên liên quan</u>	<u>Quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Docimexco	Công ty con của cổ đông lớn
Công ty TNHH Thương mại Sài Gòn Vĩnh Long	Công ty liên kết
Công ty TNHH MTV- Tổng Công ty Lương thực Miền Nam	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Nguyễn Kim	Cổ đông lớn

1.2 Giao dịch trọng yếu với các bên có liên quan

<u>Bên liên quan</u>	<u>Nội dung</u>	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty Cổ phần Docimexco	Thu tiền hàng	32.996.700.000	-
Công ty TNHH Thương mại Sài Gòn Vĩnh Long	Bán cổ phần	31.017.500.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Nguyễn Kim	Trả nợ vay	16.000.000.000	-
	Trả lãi vay	3.197.556.000	-

1.3 Số dư các bên liên quan: Xem chi tiết tại các thuyết minh V.3, V.6, V.10 và V.15.

1.4 Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân liên quan đến các thành viên chủ chốt

Trong năm 2019, Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên chủ chốt khác.

Thu nhập của các thành viên chủ chốt, chi tiết gồm:

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VINH LONG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mẫu số B09 – DN/HN
 Ban hành theo Thông tư số
 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014
 của Bộ Tài chính

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Khoản mục	Năm nay	Năm trước
Tiền lương, thù lao và phụ cấp	559.200.000	634.500.000
Cộng	559.200.000	634.500.000

2. Báo cáo bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

2.1. Lĩnh vực kinh doanh

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh bao gồm: Thi công công trình và dịch vụ công ích.

Năm nay	Doanh thu bán hàng hóa	Doanh thu cung cấp dịch vụ	Doanh thu khác	Cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	-	15.495.000	-	15.495.000
Giá vốn hàng bán	-	-	-	-
Lợi nhuận gộp	-	15.495.000	-	15.495.000
Năm trước	Doanh thu bán hàng hóa	Doanh thu cung cấp dịch vụ	Doanh thu khác	Cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	-	4.205.000	-	4.205.000
Giá vốn hàng bán	-	-	-	-
Lợi nhuận gộp	-	4.205.000	-	4.205.000

3. Số liệu so sánh

Số Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C. Số liệu này đã được điều chỉnh hồi tố các sai sót năm trước, cụ thể như sau:

Biến động vốn chủ sở hữu sau điều chỉnh

Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2018	01/01/2018
Vốn góp của chủ sở hữu	119.599.820.000	119.599.820.000	119.599.820.000
Quỹ đầu tư phát triển	37.281.400.080	37.281.400.080	37.281.400.080
LNST chưa phân phối	(240.436.049.121)	(283.026.393.245)	(269.515.607.528)
Vốn chủ sở hữu	(83.554.829.041)	(126.145.173.165)	(70.742.467.449)

Ảnh hưởng các sai sót đến các chỉ tiêu năm trước của Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2019

Chỉ tiêu	Năm 2018 Trước điều chỉnh	Năm 2018 Sau điều chỉnh	Chênh lệch
Chi phí quản lý doanh nghiệp	4.622.282.464	4.310.075.569	312.206.895
Chi phí khác	7.227.758	206.307.579	(199.079.821)
Lợi nhuận sau thuế	(13.623.912.791)	(13.510.785.717)	(113.127.074)

Lý do: Điều chỉnh chi phí khấu hao trích vượt và phân loại lại chi phí.

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Mẫu số B09 – DN/HN
Ban hành theo Thông tư số
202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014
của Bộ Tài chính

Ảnh hưởng các sai sót lên số dư đầu năm các chỉ tiêu trình bày trên Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2019.

Chỉ tiêu	31/12/2018	31/12/2018	Chênh lệch
	Trước điều chỉnh	Sau điều chỉnh	
Phải thu ngắn hạn khác (*)	34.729.546.431	1.025.800.990	33.703.745.441
Tài sản cố định hữu hình	26.280.613.315	23.805.764.873	2.474.848.442
<i>Nguyên giá</i>	<i>72.482.218.644</i>	<i>68.711.316.192</i>	<i>3.770.902.452</i>
<i>Giá trị hao mòn lũy kế (**)</i>	<i>(46.201.605.329)</i>	<i>(44.905.551.319)</i>	<i>(1.296.054.010)</i>
Tài sản cố định vô hình	12.622.122.024	15.926.240.774	(3.304.118.750)
<i>Nguyên giá</i>	<i>13.400.828.294</i>	<i>17.171.730.746</i>	<i>(3.770.902.452)</i>
<i>Giá trị hao mòn lũy kế (**)</i>	<i>(778.706.270)</i>	<i>(1.245.489.972)</i>	<i>466.783.702</i>
Lợi nhuận chưa phân phối	(250.151.918.112)	(283.026.393.245)	32.874.475.133

(*) Lý do: Thuế thu nhập doanh nghiệp phát sinh năm 2007, 2008 truy thu theo quyết định của Cục thuế Vĩnh Long với số tiền là 31.347.563.097 đồng, tiền phạt chậm nộp thuế với số tiền là 2.356.182.344 đồng.

(**) Lý do: Điều chỉnh phân loại lại chi phí sản lập với số tiền là 3.770.902.452 đồng hạch toán vào nguyên giá tài sản cố định hữu hình sang tài sản cố định vô hình, đồng thời điều chỉnh giảm khấu hao do trích vượt với số tiền là 829.270.038 đồng.

4. Quản lý rủi ro tài chính

Tổng quan

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: Rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập. Việc quản lý rủi ro được thực hiện chủ yếu bởi Phòng Kế toán – Tài chính theo các chính sách và các thủ tục đã được Ban Tổng Giám đốc phê duyệt.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Để quản lý nợ phải thu khách hàng, Ban Tổng Giám đốc đã ban hành quy chế bán hàng với quy định chặt chẽ về các đối tượng mua hàng, định mức bán hàng, hạn mức nợ và thời hạn nợ một cách cụ thể. Hàng tháng Ban Tổng Giám đốc thực hiện kiểm tra việc tuân thủ quy chế bán hàng này. Ngoài ra, nhân viên văn phòng kế toán thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại ngân hàng trong nước. Ban Tổng Giám đốc Công ty không nhận thấy rủi ro tín dụng nào từ các khoản tiền gửi ngân hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mẫu số B09 – DN/HN
 Ban hành theo Thông tư số
 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014
 của Bộ Tài chính

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh VII.4 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

	Chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá	Chưa quá hạn nhưng bị giảm giá	Đã quá hạn nhưng không giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
Số cuối năm					
Tiền và các khoản tương đương tiền	9.644.499.071	-	-	-	9.644.499.071
Phải thu khách hàng		-	-	61.990.049.068	61.990.049.068
Phải thu ngắn hạn khác		-	-	1.382.391.573	1.382.391.573
Cộng	9.644.499.071	-	-	63.372.440.641	73.016.939.712
Số đầu năm					
Tiền và các khoản tương đương tiền	6.369.084.500	-	-	-	6.369.084.500
Phải thu khách hàng		-	-	95.060.952.579	95.060.952.579
Phải thu ngắn hạn khác		-	-	1.025.800.990	1.025.800.990
Cộng	6.369.084.500	-	-	96.086.753.569	102.455.838.069

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: Thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của các luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối năm				
Phải trả người bán	19.105.000	-	-	19.105.000
Các khoản phải trả khác	65.408.648.209	-	-	65.408.648.209
Cộng	65.427.753.209	-	-	65.427.753.209
Số đầu năm				
Phải trả người bán	33.955.000	-	-	33.955.000
Các khoản phải trả khác	57.847.930.695	-	-	57.847.930.695
Cộng	57.881.885.695	-	-	57.881.885.695

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mẫu số B09 – DN/HN
 Ban hành theo Thông tư số
 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014
 của Bộ Tài chính

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Ban Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là vừa phải. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro lãi suất và rủi ro giá nguyên vật liệu.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá, lãi suất, giá chứng khoán, giá nguyên vật liệu sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi có kỳ hạn có lãi suất thả nổi.

Công ty đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của lãi suất đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể do không phát sinh các khoản vay và tiền gửi ngân hàng có lãi suất cố định trong thời gian gửi.

Rủi ro về giá nguyên vật liệu

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá nguyên vật liệu. Công ty quản lý rủi ro về giá nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

5. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính

	Số cuối năm		Số đầu năm		Giá trị hợp lý	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền và các khoản tương đương tiền	9.644.499.071	-	6.369.084.500	-	9.644.499.071	6.369.084.500
Phải thu khách hàng	61.990.049.068	61.990.049.068	95.060.952.579	95.060.952.579	-	-
Phải thu ngắn hạn khác	1.382.391.573	173.159.046	1.025.800.990	173.159.046	1.209.232.527	852.641.944
Cộng	73.016.939.712	62.163.208.114	102.455.838.069	95.234.111.625	10.853.731.598	7.221.726.444

Nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả người bán	19.105.000	33.955.000	19.105.000	33.955.000

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Mẫu số B09 – DN/HN
Ban hành theo Thông tư số
202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014
của Bộ Tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Các khoản phải trả khác	65.408.648.209	57.847.930.695	-	-
Cộng	65.427.753.209	57.881.885.695	19.105.000	33.955.000

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá giao dịch công bố tại ngày kết thúc năm tài chính.

6. Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác

Căn cứ Thông báo số 01a ngày 20/03/2020 của Tòa án Nhân dân huyện Hòn Đất về việc thụ lý đơn khởi kiện của Ông Lê Minh Việt yêu cầu Công ty TNHH Lương thực Kiên Nông phải thanh toán tiền lương và thù lao trong quá trình làm việc với số tiền là 516.447.000 đồng; trong đó, tiền lương tính từ ngày 12/11/2011 đến ngày 31/12/2019 là 237.447.000 đồng và tiền thù lao kể từ ngày 15/03/2012 đến ngày 31/12/2019 là 279.000.000 đồng (mức thù lao 3.000.000 đồng/tháng Căn cứ vào Quyết định số 27/QĐ-KN của Chủ tịch Hội đồng Thành viên Công ty ký ngày 29/03/2012). Đến thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán hợp nhất này, vụ kiện chưa được hoàn tất nên Tập đoàn chưa ghi nhận khoản tiền lương và thù lao phải trả theo đề nghị của Ông Lê Minh Việt.

7. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

Không có sự kiện đáng chú ý nào xảy ra kể từ ngày lập báo cáo tài chính này có thể làm sai lệch các số liệu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

Thành phố Vĩnh Long, ngày 20 tháng 02 năm 2020

Người lập biểu

Kế Toán trưởng

Tổng Giám đốc



PHẠM THỊ CẨM NHUNG

PHAN NGỌC BÌNH

NGUYỄN THUẬN

**XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CÔNG TY
VỀ BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2019**



NGUYỄN THUẬN